TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ
Ngày: 08/04/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐĂK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khuyên và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 159/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2022, thông báo dời ngày xét xử số 159/TB ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/03/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vi Thị P, sinh năm 1989 - có mặt
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1989 - vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã N, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Vi Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện đến với nhau vào năm 2013 nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2018 sau khi đã có hai con vợ chồng chị mới tiến hành đi đăng ký kết hôn và được UBND xã N, huyện C, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 132/2018, ngày 19/10/2018.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn 2, xã N, huyện C, tỉnh Đ từ đó cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ hay chơi bời, chửi đánh chị, vợ chồng vẫn ở chung một nhà nhưng không ai quan tâm gì đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nhã P, sinh ngày 28/6/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 12/12/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Trần Văn Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Đ, về con chung chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Anh Trần Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P. Chị P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/10/2021 chị Vi Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ, vì vậy đây là vụ án hôn nhân gia đình. Anh Trần Văn Đ đang cư trú tại Thôn 02, xã N, huyện C, tỉnh Đ. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn anh

Trần Văn Đ vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**.**

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 132/2018 ngày 19/10/2018 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông thì anh Trần Văn Đ và chị Vi Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các bản tự khai chị P cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ hay chơi bời, chửi đánh chị, dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, chị cảm thấy không thể sống chung với anh Đ thêm được nữa. Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện anh Đ không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bên cạnh đó, hiện nay anh Đ và chị P đã ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

Về con chung: Trong quá trình sống chung anh Đ và chị P có 02 con chung tên Trần Nhã P, sinh ngày 28/6/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 12/12/2016. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 20/11/2021 trẻ P mong muốn được ở với mẹ. Nhận thấy hai trẻ P và N hiện đang còn nhỏ và đều là con gái để tạo điều kiện của sự phát triển của hai trẻ nên giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị P được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132/2018, ngày 19/10/2018 của UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao 02 trẻ Trần Nhã P, sinh ngày 28/6/2014 và Trần Minh N, sinh ngày 12/12/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ do chị P không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Anh Đ có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng do chị Vi Thị P chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà chị Phú đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003530 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút. Chị P đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phú có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Tòa án nhân tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút*;
- *UBND xã Nam Dong;*
- *CCTHADS Huyện Cư Jút*;
- Lưu VP, hồ sơ .

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh